

FARZINCOL

Viên nén



CÔNG THỨC

- Kẽm gluconat70 mg (tương đương 10 mg kẽm)
- Tá dược: Era-pac, lactose, povidon, magnesi stearat, talc, aerosil.....vừa đủ 1 viên nén.

CHỈ ĐỊNH

Bổ sung kẽm vào chế độ ăn trong các trường hợp

- Bệnh còi xương, chậm tăng trưởng ở trẻ em.
- Phụ nữ mang thai và bà mẹ đang cho con bú.
- Chế độ ăn thiếu cân bằng hoặc kiêng ăn.
- Nuôi ăn lâu dài qua đường tĩnh mạch
- Tiêu chảy cấp và mãn tính.

Điều trị thiếu kẽm

- Thiếu kẽm nhẹ và vừa trong các trường hợp:
 - + Suy dinh dưỡng nhẹ và vừa.
 - + Rối loạn đường tiêu hóa: Chán ăn, chậm tiêu, táo bón nhẹ, buồn nôn và nôn khi mang thai.
 - + Khó ngủ, mất ngủ, trẻ khóc đêm, suy nhược, nhức đầu.
 - + Nhiễm trùng tái diễn ở đường hô hấp, đường tiêu hóa, da.
 - + Khô da, vết thương chậm lành (bỏng, lở loét do nằm lâu).
 - + Khô mắt, loét giác mạc, quáng gà.
- Thiếu kẽm nặng: Được đặc trưng bởi các tổn thương da điển hình trong bệnh viêm ruột, da đầu chi, dầy sừng, hói, loạn dưỡng móng (móng nhăn, có vệt trắng, chậm mọc), khô mắt, viêm quanh lỗ tự nhiên (hậu môn, âm hộ) cùng với tiêu chảy.

CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG

Liều bổ sung dinh dưỡng

Từ ½ đến 2 viên/ ngày, tùy từng trường hợp.

Liều điều trị: Theo hướng dẫn của thầy thuốc.

- Nên giảm liều khi triệu chứng lâm sàng đã được cải thiện.
- Việc dùng thuốc nên chia liều thành 1-2 lần/ngày, uống sau bữa ăn.
- Đối với trẻ nhỏ: nên nghiền nát viên thuốc, thêm chút đường và hoà tan với nước nóng trong bình thủy rồi để nguội trước khi cho bé uống.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Tránh dùng viên kẽm trong giai đoạn loét dạ dày tá tràng tiến triển và nôn ói cấp tính.

LƯU Ý - THẬN TRỌNG

Uống kẽm nên cách xa các thuốc có chứa canxi, sắt, đồng khoảng 2-3 giờ để ngăn ngừa tương tranh có thể làm giảm sự hấp thu của kẽm.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Dùng cùng tetracyclin, ciprofloxacin, các chế phẩm chứa sắt, đồng, làm giảm hấp thu kẽm.

PHỤ NỮ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ

Thuốc dùng được cho phụ nữ mang thai và cho con bú.

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: Không có.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Hiếm khi xảy ra cảm giác khó chịu trong dạ dày, và thường kéo dài vài ngày đầu dùng thuốc, sau đó sẽ giảm dần. Cần báo cho bác sĩ biết bất kỳ tác dụng bất thường nào xảy ra trong lúc điều trị.

* **Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.**

QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ

- Dùng quá liều, muối kẽm sẽ phá huỷ các mô mềm do dịch vị tác dụng lên kẽm tạo kẽm clorid.
- Điều trị bao gồm dùng sữa hay carbonat kiềm và than hoạt tính.

DƯỢC LỰC HỌC

Kẽm gluconat là muối kẽm của acid gluconic. Kẽm là thành phần của nhiều hệ enzym và hiện diện ở tất cả các mô của cơ thể.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Kẽm hấp thu không hoàn toàn từ đường tiêu hoá và sinh khả dụng khoảng 20 - 30%. Kẽm được phân phối ở hầu hết các mô, cao nhất là ở cơ, xương, da và dịch tiền liệt. Thuốc thải trừ chủ yếu ở phân. Lượng nhỏ thải trừ ở thận và mồ hôi.

ĐỂ XA TẮM TAY CỦA TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN: TCCS

TRÌNH BÀY

- Hộp 1 lọ 100 viên nén.
- Hộp 10 vỉ x 10 viên nén.

BẢO QUẢN Ở NHIỆT ĐỘ KHÔNG QUÁ 30°C.

CTCP DPDL PHARMEDIC: 367 Nguyễn Trãi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất tại nhà máy GMP - WHO: 1/67 Nguyễn Văn Quá, Q.12, TP.HCM, Việt Nam.